TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2025
"V/v Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xong.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Na, ông Nguyễn Minh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2025 (Thụ lý số cũ 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2024) về việc "*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 36/TB-TA ngày 18/8/2025.giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 198x. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh K, sinh năm 199x. (Có mặt).

Cùng trú tại: …. N, tổ dân phố…, xã M, tỉnh Quảng Ngãi).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (V/v tranh chấp tài sản chung): Ông Võ Quốc Cứu Tr; địa chỉ: …. H, phường K, tỉnh Quảng Ngãi) (theo Giấy ủy quyền đề ngày 31/7/2024). (Có mặt).

- *Tổ chức có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch NHCSXH K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th - Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH K.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ Phú C - Phó Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH K.

Địa chỉ: Số ...., đường V, tổ dân phố ...., xã M, tỉnh Quảng Ngãi). (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đinh Thị Ph, sinh năm 196x.

Địa chỉ: … N, tổ dân phố …, xã M, tỉnh Quảng Ngãi). (Có mặt).

+ Anh Trần Văn L1, sinh năm 199x.

Địa chỉ: … N, tổ dân phố …, xã M, tỉnh Quảng Ngãi). (Có mặt).

+ Chị Trần Thị Mỹ L2, sinh năm 199x. (Có mặt).

Địa chỉ: … N, tổ dân phố …, xã M, tỉnh Quảng Ngãi). (Có mặt).

+ Anh Trần Văn L3, sinh năm 199x.

Địa chỉ: … N, tổ dân phố …, xã M, tỉnh Quảng Ngãi). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2024 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày:*

Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 20/4/2011. Trong những năm đầu kết hôn, ông L và bà K chung sống hạnh phúc. Ông L kinh doanh lĩnh vực du lịch nên hay đi xa nhà. Vào tháng 5/2024, bà Kiều có quan hệ bất chính với ông Hà Duy N là người làm công cho ông L (ông L có trích đoạn camera quay lại hình ảnh bà K và ông Nam có quan hệ bất chính), hiện nay bà K đã bỏ nhà đi theo ông N Ông L nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông L đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh K theo quy định pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 04 con chung là Trần Bảo L4, sinh ngày …/…/201x; Trần Gia Ph, sinh ngày …/…/201x; Trần Duy Th, sinh ngày …/…/201x; Trần Quốc V, sinh ngày …/…/202x. Sau khi ly hôn, ông L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 04 con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi; ông L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tuy nhiên tại phiên tòa, ông Lê, bà Kiều thỏa thuận, thống nhất: Sau khi ly hôn, ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Trần Bảo L, sinh ngày

…/…/201x và Trần Gia Ph, sinh ngày …/…/201x; bà K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Trần Duy Th, sinh ngày …/…/201x; Trần Quốc V, sinh ngày …/…/202x; các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K có 02 khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi - Phòng giao dịch K với tổng số tiền vay 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* (Lần 01: 100.000.000 đồng; Lần 02: 100.000.000 đồng), mục đích vay để giải quyết việc làm. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông L xin chịu trách nhiệm trả toàn bộ gốc và lãi đối với 02 khoản vay này.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh K đồng ý ly hôn với ông Trần Văn L theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: ông L, bà K thỏa thuận, thống nhất: Sau khi ly hôn, ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Trần Bảo L, sinh ngày …/…/201x và Trần Gia Ph, sinh ngày …/…/201x; bà K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Trần Duy Th, sinh ngày …/…/201x; Trần Quốc V, sinh ngày …/…/202x; các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: *(Bà Kiều có yêu cầu phản tố và được Toà án thụ lý vào ngày 03/02/2025)*: Vợ chồng ông L bà K có mua thửa đất có diện tích khoảng 12.000m² tại thôn Kon Tu Răng, xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của ông A Hóa, quản lý sử dụng đất cho tới nay. Hiện nay đã xây dựng homestay, vườn trại và các công trình khác trên đất; đã đăng ký doanh nghiệp để hoạt động tài sản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Thương mại Lộc Phát Thịnh Vượng, đăng ký lần đầu vào ngày 01/6/2023; bị đơn đưa ra giá trị tài sản trên đất khoảng 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* để làm căn cứ cho yêu cầu phản tố. Bà Kiều yêu cầu Tòa án chia đôi toàn bộ tài sản trên đất, bà K nhận hiện vật, thối lại tiền cho ông L.

Trước thời điểm mở lại phiên tòa ngày 21/8/2025, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K đã thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc chia tài sản chung của vợ chồng (có biên bản thỏa thuận nộp cho Tòa án).

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh K rút toàn bộ yêu cầu phán tố về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

- Về nợ chung: Bà K thừa nhận, quá trình chung sống, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K có 02 khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch K với tổng số tiền vay 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* theo Hợp đồng tín dụng số 0873/2023/HD-TD ngày 24/11/2023 và Hợp đồng tín

dụng số 08105/2023/HD-TD ngày 01/12/2023, mục đích vay để giải quyết việc làm. Nhưng thực tế một phần số tiền này sử dụng vào việc mua hoa, cây cảnh trồng ở Homestay săn mây. Ông Trần Văn L nhận trả toàn bộ gốc và lãi đối với 02 khoản vay này, bà K đồng ý.

** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Đinh Thị Ph, ông Trần Văn L1, bà Trần Thị Mỹ L2, anh Trần Văn L3 đều thống nhất với biên bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K.

- Ông Đỗ Phú C - Phó Giám đốc Phòng giao dịch K trình bày:

Hiện nay, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K đang còn nợ tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội K số tiền vay, cụ thể như sau:

+ Ngày 24/11/2023, bà Nguyễn Thị Ánh K ký kết Hợp đồng tín dụng số 0873/2023/HD-TD với Ngân hàng chính sách xã hội K để vay số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, mục đích vay để hỗ trợ tạo việc làm, hiện còn tổng dư nợ là 95. 329.819 đồng (Trong đó: Tiền gốc 95.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày 21/8/2025 là 329.819 đồng).

+ Ngày 01/12/2023, ông Trần Văn L ký kết Hợp đồng tín dụng số 08105/2023/HD-TD với Ngân hàng chính sách xã hội K để vay số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, mục đích vay để hỗ trợ tạo việc làm, hiện còn tổng dư nợ là 100. 347.178 đồng (Trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày 21/8/2025 là 347.178 đồng).

Mặc dù là khoản vay đứng tên riêng ông L và bà K, nhưng đây là khoản vay nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, ông L và bà K có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc và lãi như đã cam kết. Tuy nhiên ông L nhận nghĩa vụ trả nợ và hợp đồng chưa hết hạn, đại diện Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch K đồng ý để bên vay tiếp tục sử dụng nguồn vốn và đồng ý ông Trần Văn L có nghĩa vụ trả các khoản nợ vay đúng hạn theo cam kết tại các hợp đồng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa phát biểu về việc chấp hành pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Thẩm phán xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng của các đương sự như nguyên đơn, bị đơn, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về trình tự thụ lý: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án và lập hồ sơ vụ án đúng theo quy định tại Điều 195, Điều 198, Điều 204 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn đúng theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về vấn đề thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, Điều 98, điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170, Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn hai vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được**;** hơn nữa bà Kiều đồng ý yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn L.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K về việc nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung: Bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng

Về khoản nợ vay NHCSXH - Phòng giao dịch K: Do chưa hết thời hạn của hợp đồng, đại diện Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch K đồng ý để bên vay tiếp tục sử dụng nguồn vốn và ông Trần Văn L có nghĩa vụ trả các khoản nợ

vay đúng hạn theo cam kết tại các hợp đồng nêu trên. Phía Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí, chi phí tố tụng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, yêu cầu, ý kiến của các đương sự đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp:

Vụ án xin ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn ông Trần Văn L và bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh K; cùng trú tại 03 Nguyễn Sinh Sắc, tổ dân phố 1, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Quảng Ngãi theo quy định tại điểm a khoản Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (Nay là UBND phườngKon Tum, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy đăng ký kết hôn số 26 ngày 20/4/2011. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống, giữa ông L và bà K phát sinh nhiều mâu thuẫn. Qua xác minh, bà K đã bỏ nhà đi bỏ mặc các con cho ông L chăm sóc, giáo dục. Hơn nữa, bà K đã nhận đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà không đến Tòa án để hòa giải. Điều này chứng tỏ bà Kiều không muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái, tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và bà K cũng đồng ý ly hôn với ông Trần Văn L. Xét thấy việc đồng ý ly hôn của nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn L và cần ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K có 04 con chung là Trần Bảo L4, sinh ngày …/…/201x; Trần Gia Ph, sinh ngày …/…/201x; Trần Duy Th, sinh ngày …/…/201x; Trần Quốc V, sinh ngày .../…/202x.

Tại phiên tòa, ông L, bà K thỏa thuận, thống nhất: Sau khi ly hôn, ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Trần Bảo L4, sinh ngày …/…/201x và Trần Gia Ph, sinh ngày …/…/201x; bà K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con

chung là Trần Duy Th, sinh ngày …/…/201.; Trần Quốc V, sinh ngày …/…/202x cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng tự lập;

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng.

[2.3]. Về tài sản chung: Trước thời điểm mở lại phiên tòa ngày 21/8/2025, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K đã thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc chia tài sản chung của vợ chồng và nghĩa vụ trả nợ chung (có biên bản thỏa thuận nộp cho Tòa án).

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh K xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh K xin rút toàn bộ yêu cấu phản tố, nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến gì. Đây là quyền tự định đoạt của các đương sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phán tố của bị đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

[2.4]. Về nợ chung: Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K đang còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch K với tổng số tiền vay 195.000.00 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0873/2023/HD-TD ngày 24/11/2023 và Hợp đồng tín dụng số 08105/2023/HD-TD ngày 01/12/2023. Ông L nhận trả khoản nợ trên. Đại diện Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch K đồng ý để bên vay tiếp tục sử dụng nguồn vốn và ông Trần Văn L có nghĩa vụ trả các khoản nợ vay đúng hạn theo cam kết tại các hợp đồng nêu trên. Phía Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét mà chỉ ghi nhận sự chuyển giao nghĩa vụ của bị đơn cho bên nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Do các bên thỏa thuận được việc ly hôn và nuôi con sau ly hôn nên án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*. Mỗi bên chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* nhưng ông Trần Văn L nhận nộp thay số tiền này cho bà Nguyễn Thị Ánh K.

[4]. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là:1.200.000 đồng.

- Chi phí định giá tài sản là: 2.800.000 đồng;

Tổng cộng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là: 4.000.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá. Xét thấy, bị đơn có yêu cầu phản tố và yêu cầu

Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản nhưng tại phiên tòa bị đơn rút yêu cầu phản tố nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 155; Điều 157; Điều 158; Điều 163; Điều 165; Điều 166; khoản 3 Điều 218; Điều 244; Điều 246; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 370 của Bộ luật Dân sự. Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 Điều 6; Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K.

Ông Trần Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh K.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh K như sau:

Giao cháu Trần Bảo L4, sinh ngày …/…/201x và cháu Trần Gia Ph, sinh ngày …/…/201x cho ông Trần Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Trần Duy Th, sinh ngày …/…/201x và cháu Trần Quốc V, sinh ngày …./…/202x cho bà Nguyễn Thị Ánh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con, và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở. Nếu bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Quá trình nuôi dưỡng, nếu xét thấy cần

thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phán tố của bị đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

4. Về nợ chung: Ghi nhận việc chuyển giao nghĩa vụ của bị đơn cho nguyên đơn. Cụ thể: ông Trần Văn L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch K cả tiền gốc và tiền lãi cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch Kon Plông *(theo Hợp đồng tín dụng số 0873/2023/HD-TD ngày 24/11/2023 và Hợp đồng tín dụng số 08105/2023/HD-TD ngày 01/12/2023).*

5. Về án phí:

Ông Trần Văn L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng ông L đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số 0001040 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Quảng Ngãi).

5. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh K phải chịu chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*. Bà Kiều đã nộp đủ số tiền trên.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/8/2025) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 10 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 10- Quảng Ngãi;
- UBND phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xong